CHÍNH PHỦ	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 89 /2019/NĐ-CP	*Hà Nội, ngày 15 tháng 11 năm 2019*

NGHỊ ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực hàng không dân dụng và Nghị định số 30/2013/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ về kinh doanh vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật hàng không dân dụng Việt Nam ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật hàng không dân dụng Việt Nam ngày 21 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư ngày 22 tháng 11 năm 2016;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực hàng không dân dụng và Nghị định số 30/2013/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ về kinh doanh vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực hàng không dân dụng như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1 Điều 4 như sau:

"c) Đối với doanh nghiệp đang kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực hàng không dân dụng tăng vốn, giảm vốn để đáp ứng quy định về vốn khi mở rộng, thu hẹp phạm vi kinh doanh, bổ sung, rút bớt ngành, nghề kinh doanh có điều kiện khác quy định tại Nghị định này có thể sử dụng báo cáo tài chính đã được kiểm toán chấp nhận toàn phần của năm

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

liền trước với thời điểm đề nghị hoặc văn bản bảo lãnh của ngân hàng làm văn bản xác nhận vốn hoặc báo cáo biến động vốn được kiểm toán tại thời điểm đề nghị."

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 5 như sau:

"Điều 5. Điều kiện kinh doanh vận tải hàng không

1. Đáp ứng các điều kiện về phương án bảo đảm có tàu bay khai thác, tổ chức bộ máy, vốn, phương án kinh doanh và chiến lược phát triển sản phẩm quy định tại Điều 6, 7, 8, 9 của Nghị định này.

2. Các quy định tại Chương này không áp dụng đối với lĩnh vực đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ thành viên tổ lái, giáo viên huấn luyện."

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 6 như sau:

"Điều 6. Điều kiện về phương án bảo đảm có tàu bay khai thác

1. Phương án bảo đảm có tàu bay khai thác bao gồm các nội dung sau đây:

a) Số lượng, chủng loại tàu bay, tuổi của tàu bay;

b) Hình thức chiếm hữu;

c) Phương án khai thác, bảo dưỡng và nguồn nhân lực bảo đảm khai thác, bảo dưỡng tàu bay.

2. Số lượng tàu bay duy trì trong suốt quá trình kinh doanh vận tải hàng không tối thiểu là 03 tàu bay đối với kinh doanh vận chuyển hàng không; tối thiểu là 01 tàu bay đối với kinh doanh hàng không chung."

4. Sửa đổi, bổ sung Điều 7 như sau:

"Điều 7. Điều kiện về tổ chức bộ máy

1. Có tổ chức bộ máy thực hiện hệ thống quản lý an toàn, an ninh, hoạt động khai thác tàu bay, bảo dưỡng tàu bay, huấn luyện bay, khai thác mặt đất.

2. Người được bổ nhiệm giữ vị trí phụ trách trong hệ thống quản lý an toàn, an ninh, khai thác tàu bay, bảo dưỡng tàu bay, huấn luyện bay phải có kinh nghiệm tối thiểu 03 năm công tác liên tục trong lĩnh vực được bổ nhiệm, có văn bằng, chứng chỉ được cấp hoặc công nhận theo quy định của pháp luật về hàng không dân dụng.

3. Đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, số thành viên là người nước ngoài không được vượt quá một phần ba tổng số thành viên tham gia bộ máy điều hành. Bộ máy điều hành để tính tỷ lệ theo yêu cầu của khoản này gồm:

a) Tổng Giám đốc (Giám đốc), các Phó Tổng Giám đốc (Phó Giám đốc);

b) Kế toán trưởng;

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

c) Người phụ trách các lĩnh vực: hệ thống quản lý an toàn; khai thác tàu bay; bảo dưỡng tàu bay; huấn luyện tổ bay và người giữ chức vụ tương đương xác định theo bộ máy tổ chức của doanh nghiệp."

5. Sửa đổi, bổ sung Điều 8 như sau:

"Điều 8. Điều kiện về vốn

1. Mức vốn tối thiểu (bao gồm vốn chủ sở hữu và vốn vay) để thành lập và duy trì doanh nghiệp kinh doanh vận chuyển hàng không:

a) Khai thác đến 10 tàu bay: 300 tỷ đồng Việt Nam;

b) Khai thác từ 11 đến 30 tàu bay: 600 tỷ đồng Việt Nam;

c) Khai thác trên 30 tàu bay: 700 tỷ đồng Việt Nam.

2. Mức vốn tối thiểu để thành lập và duy trì doanh nghiệp kinh doanh hàng không chung: 100 tỷ đồng Việt Nam.

3. Doanh nghiệp kinh doanh vận tải hàng không có vốn đầu tư nước ngoài phải đáp ứng các điều kiện:

a) Nhà đầu tư nước ngoài chiếm không quá 34% vốn điều lệ;

b) Phải có ít nhất một cá nhân Việt Nam hoặc một pháp nhân Việt Nam giữ phần vốn điều lệ lớn nhất;

c) Trường hợp pháp nhân Việt Nam có vốn đầu tư nước ngoài góp vốn thì phần vốn góp nước ngoài chiếm không quá 49% vốn điều lệ của pháp nhân."

6. Sửa đổi Điều 9 như sau:

"Điều 9. Phương án kinh doanh và chiến lược phát triển

Phương án kinh doanh và chiến lược phát triển của doanh nghiệp bao gồm các nội dung sau:

1. Đánh giá nhu cầu và xu hướng phát triển của thị trường.

2. Đánh giá thực tiễn và mức độ cạnh tranh dịch vụ được cung cấp trên thị trường.

3. Chiến lược phát triển sản phẩm vận chuyển hàng không, chiến lược phát triển đội tàu bay và kế hoạch phát triển kinh doanh của 05 năm đầu kể từ ngày khai thác."

7. Sửa đổi, bổ sung Điều 10 như sau:

"Điều 10. Thủ tục cấp Giấy phép kinh doanh vận chuyển hàng không, Giấy phép kinh doanh hàng không chung

1. Người đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh vận chuyển hàng không, Giấy phép kinh doanh hàng không chung gửi 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

hệ thống bưu chính hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các thông tin trong hồ sơ.

2. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép bao gồm:

a) Văn bản đề nghị cấp giấy phép theo Mẫu số 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Báo cáo (kèm tài liệu chứng minh) về việc đáp ứng các điều kiện kinh doanh vận chuyển hàng không trong đó gồm các nội dung: Phương án về số lượng tàu bay dự kiến khai thác; phương án tổ chức bộ máy bảo đảm khai thác tàu bay, kinh doanh vận tải hàng không, phương án kinh doanh và chiến lược phát triển sản phẩm; nhãn hiệu dự kiến sử dụng; sơ đồ bộ máy tổ chức của doanh nghiệp;

c) Bản chính văn bản xác nhận vốn;

d) Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực (trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); nộp bản sao có chứng thực (trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu chính) các giấy tờ sau: quyết định bổ nhiệm, hợp đồng lao động, bản sao văn bằng, chứng chỉ chuyên môn của những người phụ trách quy định tại Điều 7 Nghị định này;

đ) Hợp đồng nguyên tắc hoặc thỏa thuận về việc mua, thuê mua hoặc thuê tàu bay;

e) Bản sao Điều lệ hoạt động của doanh nghiệp;

g) Danh sách thành viên, cổ đông tại thời điểm nộp hồ sơ; danh sách thành viên, cổ đông phải đảm bảo đầy đủ các thông tin: Họ và tên; ngày tháng năm sinh; quốc tịch; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú; chỗ ở hiện tại; tỷ lệ phần vốn góp hay số cổ phần nắm giữ; người đại diện quản lý phần vốn góp đối với thành viên, cổ đông là tổ chức; thỏa thuận góp vốn của các cổ đông, thành viên (bản sao có xác nhận của doanh nghiệp hoặc bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu).

3. Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Hàng không Việt Nam phải có văn bản trả lời người đề nghị và hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

4. Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam báo cáo Bộ Giao thông vận tải kết quả thẩm định.

5. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả thẩm định của Cục Hàng không Việt Nam, Bộ Giao thông vận tải xem xét, trình Thủ tướng Chính phủ. Trường hợp Bộ Giao thông vận tải không chấp thuận kết quả thẩm định thì có văn bản trả lời Cục Hàng không Việt Nam và nêu rõ lý do.

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

6. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được Tờ trình của Bộ Giao thông vận tải, Thủ tướng Chính phủ xem xét, cho phép Bộ Giao thông vận tải cấp Giấy phép kinh doanh vận chuyển hàng không, Giấy phép kinh doanh hàng không chung. Trường hợp không cho phép, Thủ tướng Chính phủ thông báo tới Bộ Giao thông vận tải và nêu rõ lý do.

7. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến bằng văn bản của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Giao thông vận tải cấp Giấy phép theo Mẫu số 02 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này hoặc thông báo ý kiến của Thủ tướng Chính phủ về việc không cấp Giấy phép kinh doanh vận chuyển hàng không, Giấy phép kinh doanh hàng không chung."

8. Sửa đổi Điều 11 như sau:

"Điều 11. Thủ tục cấp lại Giấy phép kinh doanh vận chuyển hàng không, Giấy phép kinh doanh hàng không chung

1. Giấy phép kinh doanh vận chuyển hàng không, Giấy phép kinh doanh hàng không chung được cấp lại trong trường hợp bị mất, rách, hỏng, thay đổi các nội dung trong giấy phép hoặc giấy phép bị hủy bỏ do không đáp ứng các điều kiện quy định tại điểm a, c, d, đ khoản 1 Điều 12 của Nghị định này.

2. Doanh nghiệp kinh doanh vận tải hàng không gửi 01 bộ hồ sơ cấp lại giấy phép trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các thông tin trong hồ sơ.

3. Đối với giấy phép cấp lại do thay đổi nội dung Giấy phép:

a) Hồ sơ bao gồm: Văn bản đề nghị cấp lại giấy phép theo Mẫu số 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này; các tài liệu liên quan đến việc thay đổi nội dung Giấy phép (nếu có);

b) Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam báo cáo Bộ Giao thông vận tải kết quả thẩm định;

c) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định của Cục Hàng không Việt Nam, Bộ Giao thông vận tải cấp lại giấy phép theo Mẫu số 02 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này. Trường hợp không chấp thuận, Bộ Giao thông vận tải thông báo bằng văn bản tới Cục Hàng không Việt Nam để trả lời người đề nghị bằng văn bản và nêu rõ lý do.

4. Đối với giấy phép cấp lại do bị mất, rách, hỏng:

a) Hồ sơ bao gồm: Văn bản đề nghị cấp lại giấy phép theo Mẫu số 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

b) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam báo cáo Bộ Giao thông vận tải;

c) Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo của Cục Hàng không Việt Nam, Bộ Giao thông vận tải xem xét cấp lại giấy phép theo Mẫu số 02 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này. Trường hợp không chấp thuận, Bộ Giao thông vận tải thông báo bằng văn bản tới Cục Hàng không Việt Nam để trả lời người đề nghị bằng văn bản và nêu rõ lý do.

5. Đối với giấy phép cấp lại do bị hủy:

a) Hồ sơ bao gồm: các tài liệu quy định tại điểm a, b, c, d, đ, g khoản 2 Điều 10 của Nghị định này;

b) Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Hàng không Việt Nam phải có văn bản trả lời người đề nghị và hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ theo quy định;

c) Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam báo cáo Bộ Giao thông vận tải kết quả thẩm định;

d) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định của Cục Hàng không Việt Nam, Bộ Giao thông vận tải cấp lại giấy phép theo Mẫu số 02 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này. Trường hợp không chấp thuận, Bộ Giao thông vận tải thông báo bằng văn bản tới Cục Hàng không Việt Nam để trả lời người đề nghị bằng văn bản và nêu rõ lý do.

6. Giấy phép cấp lại phải có nội dung quy định hủy bỏ giấy phép đã bị mất, rách, hỏng hoặc thay đổi nội dung hoặc Giấy phép bị hủy bỏ."

9. Sửa đổi, bổ sung Điều 12 như sau:

"Điều 12. Hủy bỏ Giấy phép kinh doanh vận chuyển hàng không, Giấy phép kinh doanh hàng không chung

1. Giấy phép kinh doanh vận chuyển hàng không, Giấy phép kinh doanh hàng không chung bị hủy bỏ trong các trường hợp sau đây:

a) Không duy trì vốn tối thiểu trong thời gian 03 năm liên tục;

b) Cố ý làm sai lệch thông tin trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép;

c) Ngừng khai thác vận tải hàng không 36 tháng liên tục;

d) Không được cấp Giấy chứng nhận người khai thác tàu bay trong thời hạn 36 tháng kể từ ngày được cấp giấy phép;

đ) Giấy chứng nhận người khai thác tàu bay bị thu hồi, hủy bỏ quá 36 tháng mà không được cấp lại;

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

e) Hoạt động sai mục đích hoặc không đúng với nội dung ghi trong Giấy phép;

g) Vi phạm nghiêm trọng các quy định của pháp luật về an ninh, quốc phòng;

h) Vi phạm nghiêm trọng các quy định của pháp luật về an ninh hàng không, an toàn hàng không, tổ chức bộ máy điều hành và hoạt động khai thác vận chuyển hàng không, hoạt động hàng không chung;

i) Chấm dứt hoạt động theo quy định của pháp luật hoặc theo đề nghị của doanh nghiệp kinh doanh vận tải hàng không;

k) Không còn đáp ứng đủ điều kiện cấp Giấy phép theo quy định của pháp luật.

2. Trong trường hợp Giấy phép bị hủy bỏ, Bộ Giao thông vận tải ra quyết định hủy bỏ giấy phép và doanh nghiệp phải chấm dứt ngay việc kinh doanh vận tải hàng không."

10. Bổ sung Điều 12a như sau:

"Điều 12a. Những thay đổi đối với doanh nghiệp phải thông báo

Doanh nghiệp kinh doanh vận tải hàng không phải thực hiện việc thông báo bằng văn bản với Cục Hàng không Việt Nam trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày thực hiện về các nội dung sau:

1. Sửa đổi Điều lệ hoạt động, Điều lệ vận chuyển;

2. Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp khi có thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp;

3. Thay đổi tổ chức bộ máy theo quy định tại Điều 7 của Nghị định này;

4. Thay đổi thành viên bộ máy điều hành;

5. Thay đổi cổ đông chiếm giữ từ 5% vốn điều lệ trở lên."

11. Bổ sung Điều 12b như sau:

"Điều 12b. Quản lý hoạt động kinh doanh vận tải hàng không

1. Doanh nghiệp kinh doanh vận tải hàng không được thực hiện vận tải hàng không sau khi đáp ứng các quy định về Người khai thác tàu bay do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành.

2. Doanh nghiệp kinh doanh vận tải hàng không phải đảm bảo số lượng tàu bay thuê có tổ bay đáp ứng đồng thời các tiêu chí sau:

a) Chiếm không quá 30% số lượng tàu bay;

b) Không quá 10 tàu bay."

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

12. Bổ sung Điều 12c như sau:

"Điều 12c. Biện pháp quản lý quyền vận chuyển hàng không

1. Hãng hàng không được cấp quyền vận chuyển hàng không có trách nhiệm tuân thủ lịch bay, giờ cất hạ cánh đã được xác nhận.

2. Cục Hàng không Việt Nam thực hiện các biện pháp bảo đảm việc tuân thủ lịch bay, giờ hạ cất cánh đã được xác nhận của các hãng hàng không."

13. Bổ sung Điều 12d như sau:

"Điều 12d. Quản lý tàu bay nhập khẩu vào Việt Nam

1. Tuổi của tàu bay đã qua sử dụng nhập khẩu vào Việt Nam được quy định như sau:

a) Đối với tàu bay thực hiện vận chuyển hành khách: Không quá 10 năm tính từ ngày xuất xưởng đến thời điểm nhập khẩu vào Việt Nam theo hợp đồng mua, thuê mua; không quá 20 năm tính từ ngày xuất xưởng đến thời điểm kết thúc hợp đồng thuê. Riêng đối với tàu bay trực thăng không quá 25 năm tính từ ngày xuất xưởng đến thời điểm kết thúc hợp đồng thuê;

b) Đối với tàu bay vận chuyển hàng hóa, bưu phẩm, bưu kiện, kinh doanh hàng không chung: Không quá 15 năm tính từ ngày xuất xưởng đến thời điểm nhập khẩu vào Việt Nam theo hợp đồng mua, thuê mua; không quá 25 năm tính từ ngày xuất xưởng đến thời điểm kết thúc hợp đồng thuê;

c) Các loại tàu bay khác ngoài quy định tại điểm a, điểm b của khoản này: Không quá 20 năm tính từ ngày xuất xưởng đến thời điểm nhập khẩu vào Việt Nam theo hợp đồng mua, thuê mua; không quá 30 năm tính từ ngày xuất xưởng đến thời điểm kết thúc hợp đồng thuê.

2. Các chủng loại tàu bay nhập khẩu vào Việt Nam được Cục Hàng không liên bang Mỹ (FAA) hoặc Cơ quan an toàn hàng không châu Âu (EASA) hoặc Nhà chức trách hàng không Việt Nam cấp Chứng chỉ loại tàu bay."

14. Sửa đổi, bổ sung Điều 14 như sau:

"Điều 14. Điều kiện cấp Giấy phép kinh doanh cảng hàng không

1. Có tài liệu giải trình việc đáp ứng các điều kiện về bảo đảm an toàn, an ninh hàng không quy định tại khoản 2 Điều 63 Luật hàng không dân dụng Việt Nam và Phụ ước 14 của Công ước quốc tế về hàng không dân dụng.

2. Đáp ứng các điều kiện về vốn như sau:

a) Mức vốn tối thiểu để thành lập và duy trì doanh nghiệp cảng hàng không: 100 tỷ đồng Việt Nam;

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

b) Tỷ lệ vốn của nhà đầu tư nước ngoài chiếm không quá 30% vốn điều lệ."

15. Sửa đổi, bổ sung Điều 16 như sau:

"**Điều 16. Điều kiện cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay**

1. Đáp ứng các điều kiện quy định tại điểm b, d khoản 2 Điều 65 Luật hàng không dân dụng Việt Nam và được Cục Hàng không Việt Nam thẩm định, đánh giá theo phân ngành dịch vụ tương ứng quy định tại khoản 1 Điều 15 của Nghị định này.

2. Mức vốn tối thiểu để thành lập và duy trì doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay:

a) Cung cấp dịch vụ khai thác nhà ga hành khách: 30 tỷ đồng Việt Nam;

b) Cung cấp dịch vụ khai thác nhà ga, kho hàng hóa: 30 tỷ đồng Việt Nam;

c) Cung cấp dịch vụ xăng dầu hàng không: 30 tỷ đồng Việt Nam.

3. Đối với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ khai thác nhà ga hành khách, nhà ga hàng hóa, dịch vụ xăng dầu hàng không, dịch vụ phục vụ kỹ thuật thương mại mặt đất, dịch vụ khai thác khu bay, tỷ lệ vốn góp của cá nhân, tổ chức nước ngoài không được quá 30% vốn điều lệ của doanh nghiệp."

16. Sửa đổi, bổ sung Điều 18 như sau:

"**Điều 18. Thủ tục cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay**

1. Cá nhân, tổ chức đề nghị cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay phải gửi 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các thông tin trong hồ sơ. Hồ sơ bao gồm:

a) Văn bản đề nghị cấp giấy phép theo Mẫu số 03 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Bản chính văn bản xác nhận vốn;

c) Tài liệu giải trình của doanh nghiệp về bảo đảm an toàn hàng không, an ninh hàng không theo quy định tại khoản 1 Điều 16 của Nghị định này.

2. Trong thời hạn 12 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị cấp giấy phép theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay theo Mẫu số 04 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này. Trường hợp không cấp giấy phép

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

Cục Hàng không Việt Nam phải gửi văn bản trả lời người đề nghị và nêu rõ lý do.

Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Hàng không Việt Nam phải có văn bản trả lời hướng dẫn người đề nghị hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

3. Cục Hàng không Việt Nam thông báo về việc cấp giấy phép cho Cảng vụ hàng không để thực hiện công tác kiểm tra, giám sát."

17. Sửa đổi, bổ sung Điều 21 như sau:

"Điều 21. Điều kiện cung cấp dịch vụ bảo dưỡng tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang thiết bị tàu bay tại Việt Nam

1. Tổ chức cung cấp dịch vụ bảo dưỡng tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang thiết bị tàu bay tại Việt Nam phải được Cục Hàng không Việt Nam cấp Giấy chứng nhận phê chuẩn tổ chức bảo dưỡng.

2. Điều kiện để cấp Giấy chứng nhận phê chuẩn tổ chức bảo dưỡng: có tài liệu giải trình tổ chức bảo dưỡng theo quy định do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành.

3. Điều này chỉ áp dụng đối với trường hợp bảo dưỡng tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang thiết bị tàu bay tại Việt Nam đối với tàu bay đăng ký quốc tịch Việt Nam."

18. Sửa đổi, bổ sung Điều 22 như sau:

"Điều 22. Điều kiện của cơ sở thiết kế, sản xuất hoặc thử nghiệm tàu bay, động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang thiết bị tàu bay tại Việt Nam

1. Cơ sở thiết kế, sản xuất hoặc thử nghiệm tàu bay, động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang thiết bị tàu bay được Cục Hàng không Việt Nam cấp Giấy chứng nhận phê chuẩn tổ chức thiết kế, sản xuất hoặc thử nghiệm tàu bay, động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang thiết bị tàu bay tương ứng.

2. Điều kiện để cấp Giấy chứng nhận phê chuẩn tổ chức thiết kế, sản xuất hoặc thử nghiệm tàu bay, động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang thiết bị tàu bay tại Việt Nam theo quy định tại khoản 1 Điều này bao gồm:

a) Có tài liệu giải trình tổ chức thiết kế, sản xuất hoặc thử nghiệm tàu bay, động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang thiết bị tàu bay tại Việt Nam chứng minh năng lực của tổ chức;

b) Có quy trình chế tạo, thiết kế, sản xuất, bảo dưỡng, thử nghiệm.

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

3. Điều này chỉ áp dụng đối với trường hợp thiết kế, sản xuất hoặc thử nghiệm tàu bay, động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang thiết bị tàu bay tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận loại do Cục Hàng không Việt Nam cấp."

19. Sửa đổi, bổ sung Điều 23 như sau:

"Điều 23. Điều kiện kinh doanh dịch vụ bảo đảm hoạt động bay

1. Được Cục Hàng không Việt Nam cấp giấy phép khai thác cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay và hệ thống kỹ thuật, thiết bị khi đáp ứng các yêu cầu về hệ thống kỹ thuật, trang thiết bị, quy trình khai thác đáp ứng quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật chuyên ngành hàng không dân dụng.

2. Đáp ứng các điều kiện về vốn như sau:

a) Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ không lưu, dịch vụ thông báo tin tức hàng không, dịch vụ tìm kiếm, cứu nạn phải là doanh nghiệp 100% vốn nhà nước;

b) Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ thông tin dẫn đường giám sát, dịch vụ khí tượng hàng không có tỷ lệ vốn nhà nước không được thấp hơn 65% vốn điều lệ và tỷ lệ vốn góp của cá nhân, tổ chức nước ngoài chiếm không quá 30% vốn điều lệ của doanh nghiệp."

20. Sửa đổi, bổ sung Điều 25 như sau:

"Điều 25. Yêu cầu đối với cơ sở đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không

Cơ sở đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không phải đáp ứng các yêu cầu sau đây:

1. Có tài liệu giải trình cơ sở vật chất đáp ứng quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật chuyên ngành hàng không theo quy định do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành.

2. Có tài liệu giải trình chương trình đào tạo, giáo trình, tài liệu đào tạo huấn luyện theo quy định do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành.

3. Cơ sở đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không phải bảo đảm đủ giáo viên lý thuyết, giáo viên thực hành để mỗi môn học chuyên ngành hàng không phải có ít nhất 01 giáo viên giảng dạy."

21. Sửa đổi, bổ sung Điều 26 như sau:

"Điều 26. Giáo viên của cơ sở đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không

Tiêu chuẩn giáo viên chuyên ngành hàng không phải đáp ứng một trong các yêu cầu sau:

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

1. Có chứng chỉ chuyên môn theo quy định tại văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành hàng không hoặc có kinh nghiệm 5 năm làm việc trong lĩnh vực chuyên môn liên quan đến môn giảng dạy.

2. Có nghiệp vụ sư phạm theo pháp luật về giáo dục hoặc giáo dục nghề nghiệp."

22. Sửa đổi bổ sung Điều 27 như sau:

"Điều 27. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không

1. Cơ sở đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không gửi 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam. Hồ sơ bao gồm các tài liệu sau:

a) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không theo Mẫu số 05 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Tài liệu giải trình tổ chức huấn luyện về việc đáp ứng yêu cầu tại Điều 25, Điều 26 của Nghị định này.

2. Nội dung của tài liệu giải trình tổ chức huấn luyện bao gồm:

a) Danh sách trích ngang giáo viên;

b) Báo cáo về cơ sở vật chất: Phòng học, trang thiết bị, cơ sở hoặc nơi thực hành phù hợp với nội dung đào tạo;

c) Báo cáo về chương trình, giáo trình, tài liệu đào tạo, huấn luyện lý thuyết, thực hành liên quan đến từng môn học;

d) Báo cáo về hệ thống tổ chức, bộ máy, đội ngũ cán bộ quản lý và hệ thống văn bản quản lý đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không.

3. Trong thời hạn 25 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam thẩm định hồ sơ, kiểm tra đánh giá thực tế cơ sở; yêu cầu người đề nghị giải trình bổ sung các nội dung liên quan, chỉnh sửa tài liệu; cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không cho cơ sở đề nghị theo Mẫu số 07 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này, trường hợp từ chối phải nêu rõ lý do."

23. Sửa đổi bổ sung khoản 4 Điều 28 như sau:

"4. Trường hợp sửa đổi, bổ sung nội dung giấy chứng nhận: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam thẩm định hồ sơ, kiểm tra đánh giá thực tế cơ sở; yêu cầu người đề nghị giải trình bổ sung các nội dung liên quan; cấp lại giấy chứng nhận hoặc thông báo từ chối cấp lại giấy chứng nhận bằng văn bản, nêu rõ lý do."

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

24. Sửa đổi các Mẫu số 05, 06 và 07 ban hành kèm theo Nghị định số 92/2016/NĐ-CP tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 30/2013/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ về kinh doanh vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung như sau:

1. Sửa đổi bổ sung Điều 22 như sau:

"Điều 22. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động hàng không chung không vì mục đích thương mại

1. Người nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động hàng không chung không vì mục đích thương mại phải gửi 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam.

2. Hồ sơ đề nghị bao gồm các tài liệu sau đây:

a) Văn bản đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động hàng không chung không vì mục đích thương mại theo Mẫu số 06 hoặc theo Mẫu số 10 quy định tại Phụ lục của Nghị định này đối với trường hợp cấp lại;

b) Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao có xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực (trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); nộp bản sao có chứng thực (trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu chính) các loại tài liệu sau: Giấy phép thành lập hoặc Giấy phép hoạt động hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (đối với tổ chức); Giấy chứng minh nhân dân, thẻ căn cước công dân hoặc Hộ chiếu (đối với cá nhân);

c) Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao có xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực (trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); nộp bản sao có chứng thực (trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu chính) các tài liệu sau: Thẻ thường trú tại Việt Nam (đối với công dân nước ngoài thường trú tại Việt Nam); Giấy phép thành lập văn phòng đại diện hoặc chi nhánh tại Việt Nam (đối với văn phòng đại diện và chi nhánh của tổ chức nước ngoài);

d) Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao có xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực (trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); nộp bản sao có chứng thực (trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu chính) các loại tài liệu sau: Giấy chứng nhận đăng ký quốc tịch tàu bay, Giấy chứng nhận đủ điều kiện bay của tàu bay;

đ) Bản chính Phương án khai thác, bảo dưỡng tàu bay;

e) Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao có xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực (trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); nộp bản sao có chứng thực (trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu chính) các loại tài liệu sau: Giấy phép, chứng chỉ phù hợp của thành viên tổ bay;

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

g) Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao có xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực (trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); nộp bản sao có chứng thực (trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu chính) Giấy phép hoạt động của cơ sở bảo dưỡng tàu bay;

h) Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao có xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực (trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); bản sao có chứng thực (trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu chính) hợp đồng thuê bảo dưỡng tàu bay trong trường hợp thuê dịch vụ bảo dưỡng."

2. Sửa đổi khoản 1 Điều 23 như sau:

"1. Trong thời hạn 25 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định tại Điều 22 của Nghị định này, Cục Hàng không Việt Nam thẩm định hồ sơ và có văn bản lấy ý kiến của Cục Tác chiến (Bộ Quốc phòng) về tổ chức, cá nhân đăng ký hoạt động hàng không chung, loại tàu bay, khu vực bay hoặc thông báo từ chối cấp Giấy chứng nhận cho người nộp hồ sơ và nêu rõ lý do."

3. Sửa đổi khoản 6 Điều 26 như sau:

"6. Việc sử dụng thương hiệu quy định tại điểm b khoản 3 và khoản 4 của Điều này phải được đăng ký với Cục Hàng không Việt Nam. Hãng hàng không gửi 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam. Hồ sơ đề nghị đăng ký sử dụng thương hiệu bao gồm các tài liệu sau đây:

a) Bản chính văn bản đề nghị đăng ký theo Mẫu số 08 quy định tại Phụ lục của Nghị định này;

b) Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao có xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực (trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); bản sao có chứng thực (trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu chính) các tài liệu chứng minh việc đáp ứng quy định tương ứng tại điểm b khoản 3 và khoản 4 của Điều này;

c) Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao có xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực (trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); bản sao có chứng thực (trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu chính) văn bản cho sử dụng thương hiệu của chủ sở hữu thương hiệu."

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2020.

2. Bãi bỏ Điều 13, Điều 17 của Nghị định số 92/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực hàng không dân dụng.

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

3. Bãi bỏ Điều 20 Nghị định số 30/2013/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ về kinh doanh vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung.

Điều 4. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ Giao thông vận tải tổ chức thi hành Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, CN (2). 110

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG



Nguyễn Xuân Phúc

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

Phụ lục

(Kèm theo Nghị định số 89 /2019/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ)

Mẫu số 05	Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không
Mẫu số 06	Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không
Mẫu số 07	Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

Mẫu số 05

TÊN CƠ SỞ:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm 20.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN ĐÀO TẠO, HUẤN LUYỆN NGHIỆP VỤ NHÂN VIÊN HÀNG KHÔNG

Kính gửi: Cục Hàng không Việt Nam.

Tên cơ sở đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không (ghi bằng chữ in hoa): .....

Tên cơ sở đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không viết tắt (nếu có):..... .....

Địa chỉ trụ sở chính: .....

Giấy phép thành lập/đăng ký doanh nghiệp số: .....

Do: ..... cấp ngày .... tháng .... năm ... tại .....

Lĩnh vực hoạt động chính: .....

Vốn điều lệ: ..... Số tài khoản: ..... Tại Ngân hàng: .....

Điện thoại: ..... Fax:..... Email: ..... Website:.....

Đại diện theo pháp luật

Họ và tên: .....Chức vụ: .....Quốc tịch: . .....

Đề nghị Cục Hàng không Việt Nam cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không

- Tên cơ sở đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không: .....
- Địa chỉ cơ sở đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không:

+ Cơ sở 1: ..... + Cơ sở 2: .....

được thành lập theo Quyết định số ....., ngày ..... . của .....

- Điện thoại: ..... Fax: ..... E.mail: .....
- Phạm vi đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ: .....
- Quy mô đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ: .....

Chúng tôi cam kết chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và chính xác của nội dung văn bản đề nghị, hồ sơ kèm theo và chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam liên quan đến hoạt động nói chung và phạm vi hoạt động được quy định trong Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không./.

THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ
(Ký tên, đóng dấu)

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

Mẫu số 06

TÊN CƠ SỞ: .....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm 20.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN ĐÀO TẠO, HUẤN LUYỆN NGHIỆP VỤ NHÂN VIÊN HÀNG KHÔNG

Kính gửi: Cục Hàng không Việt Nam.

Tên cơ sở đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không (ghi bằng chữ in hoa): .....

Tên cơ sở đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không viết tắt (nếu có): .....

Địa chỉ trụ sở chính:..... .....

Điện thoại: ..... Fax: ..... Email: .....Website .....

Đại diện theo pháp luật: .....

Họ và tên: ..... Chức vụ: ..... Quốc tịch: .....

Đề nghị Cục Hàng không Việt Nam cấp lại/sửa đổi/bổ sung nội dung Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không

- Tên cơ sở đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không: ....

- Giấy chứng nhận được cấp số: ..... ngày ..... nơi cấp .....

- Lý do xin cấp lại: ....

Chúng tôi cam kết chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam liên quan đến hoạt động nói chung và phạm vi hoạt động được quy định trong Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không./.

THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ
(Ký tên, đóng dấu)

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

Mẫu số 07

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM
MINISTRY OF TRANSPORT
CIVIL AVIATION
AUTHORITY OF VIET NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Số/ N°: /GCN-CHK

GIẤY CHỨNG NHẬN
CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN ĐÀO TẠO, HUẤN LUYỆN NGHIỆP VỤ NHÂN VIÊN HÀNG KHÔNG
CERTIFICATE
OF COMPETENCE TO PROVIDE PROFESSIONAL TRAINING FOR AVIATION PERSONNEL

CỤC TRƯỞNG CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM CHỨNG NHẬN
DIRECTOR GENERAL OF CIVIL AVIATION AUTHORITY OF VIETNAM CERTIFIES THAT

Tên cơ sở đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ .....

Đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không theo quy định tại .... với (các) chức danh: .....

Training Organization .....

Is qualified to provide professional training for aviation personnel in accordance with ..... for the following position (s):.....

Hà Nội, ngày...tháng ... năm 20...
Ha Noi, day ... month ... year 20...
CỤC TRƯỞNG
DIRECTOR GENERAL

Số QĐ/Decision N°: ...../QĐ-CHK
Có giá trị từ ngày (Validity from):
.....đến ngày (to): .....

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật